BỘ Y TẾ
**CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM**
Số: 407 /QĐ-ATTP

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
*Hà Nội, ngày* 14 *tháng* 09 *năm 2022*

tuyet.ttt_Tran Thi Tuyet_14/09/2022 10:02:40

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

## CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Công ty Cổ phần Biển Đức; Căn cứ biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm và biên bản thẩm xét hành động khắc phục;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chỉ định Công ty Cổ phần Biển Đức, địa chỉ: 781/13/3A Lạc Long Quân, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **52/2022/BYT-KNTP**

**Điều 2**. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

**Điều 3**. Công ty Cổ phần Biển Đức có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Quyền Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh (Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bình Thuận);
- Chi cục ATVSTP các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- BQLATTP (TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bắc Ninh);
- Lưu: VT, KN.

**KT. CỤC TRƯỞNG**
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM
BỘ Y TẾ

**Nguyễn Hùng Long**

**DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH**

*(Kèm theo Quyết định số 407.../QĐ-ATTP ngày 14..... tháng 09... năm 2022 của Cục An toàn thực phẩm)*

tuyenattp_Tran Thi Tuyet 14/09/2022 10:02:40

| TT | Tên chỉ tiêu/phép thử | Lĩnh vực | Phương pháp thử | Giới hạn phát hiện/ phạm vi đo (nếu có) |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Lĩnh vực vi sinh** | | | |
| 1 | Định lượng tổng số vi sinh vật | Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền | ISO 6222:1999 | 1 CFU/mL |
| 2 | Phát hiện và đếm khuẩn đường ruột | | TCVN 6189-2: 2009 (ISO 7899-2:2000) | 1 CFU/250 mL |
| 3 | Định lượng Coliforms và *Escherichia coli* | | ISO 9308-1:2014 /Amd.1:2016 | 1CFU/250 mL |
| **II** | **Lĩnh vực hóa học** | | | |
| 1 | Xác định chỉ số permanganate | Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai | TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993) | 1,5 mg $O_2$/L |
| 2 | Xác định độ cứng - Phương pháp chuẩn độ EDTA | | TCVN 6224:2004 (ISO 6059:1984) | 10 mg $CaCO_3$/L |
| 3 | Xác định độ màu - Phương pháp quang phổ | | TCVN 6185:2015 (ISO 7887:2011) | 15 Pt-Co |
| 4 | Xác định độ đục trong nước - Phương pháp đo tán xạ | | SMEWW 2130B: 2017 | 0,01 -1100 NTU |
| 5 | Xác định pH | | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 2~12 |
| 6 | Xác định hàm lượng tổng chất rắn hòa tan (TDS)<br>Phương pháp trọng lượng | | SMEWW 2540C: 2017 | 10 mg/L |
| 7 | Xác định hàm lượng Xianua tổng - Phương pháp quang phổ UV-VIS | | TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984) | 0,02 mg/L |
| 8 | Xác định hàm lượng Bo -Phương pháp quang phổ UV-VIS | | SMEWW 4500 (Bo)–B:2017 | 0,15 mg/L |

| TT | Tên chỉ tiêu/phép thử | Lĩnh vực | Phương pháp thử | Giới hạn phát hiện/ phạm vi đo (nếu có) |
|---|---|---|---|---|
| 9 | Xác định hàm lượng Clorua - Phương pháp chuẩn độ | Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai | TCVN 6194:1996 (ISO 9297:1989) | 15 mg/L |
| 10 | Xác định hàm lượng sunphat ($SO_4^{2-}$) - Phương pháp quang phổ UV-VIS | | SMEWW 4500($SO_4^{2-}$)-E:2017 | 10 mg/L |
| 11 | Xác định hàm lượng Florua ($F^-$) - Phương pháp quang phổ UV-VIS | | SMEWW 4500 ($F^-$)–B&D: 2017 | 0,6 mg/L |
| 12 | Xác định hàm lượng nitrit ($NO_2^-$) Phương pháp quang phổ UV-VIS | | TCVN 6178 : 1996 (ISO 6777 : 1984) | 0,05 mg/L |
| 13 | Xác định hàm lượng nitrat ($NO_3^-$) Phương pháp quang phổ UV-VIS | | TCVN 6180:1996 (ISO 7890-3:1988) | 0,15 mg/L |
| 14 | Xác định hàm lượng Amoni Phương pháp quang phổ UV-VIS | | TCVN 6179-1:1996 ISO 7150-1:1984 | 0,1 mg/L |
| 15 | Xác định hàm lượng Fe Phương pháp quang phổ UV-VIS | | TCVN 6177:1996 (ISO 6332:1988) | 0,15 mg/L |
| 16 | Xác định hàm lượng Coban (Co) - Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử kỹ thuật ngọn lửa. | | SMEWW 3111B:2017 | 0,2 mg/L |
| 17 | Xác định hàm lượng Đồng (Cu), Sắt (Fe), Kẽm (Zn) Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử kỹ thuật ngọn lửa. | | SMEWW 3111B:2017 | Cu: 1,0 mg/L<br>Fe: 0,3 mg/L<br>Zn: 2,0 mg/L |
| 18 | Xác định hàm lượng Bạc (Ag) - Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử kỹ thuật ngọn lửa. | | SMEWW 3111B:2017 | 0,25 mg/L |
| 19 | Xác định hàm lượng Niken (Ni) - Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử kỹ thuật ngọn lửa. | | SMEWW 3111B:2017 | 0,07 mg/L |
| 20 | Xác định hàm lượng Natri Phương pháp quang phổ phát xạ nguyên tử kỹ thuật ngọn lửa. | | SMEWW 3111B:2017 | 1,0 mg/L |

Nguyễn Thị Tuyết 14/09/2022 10:02:40

| TT | Tên chỉ tiêu/phép thử | Lĩnh vực | Phương pháp thử | Giới hạn phát hiện/ phạm vi đo (nếu có) |
|---|---|---|---|---|
| 21 | Xác định hàm lượng Mangan (Mn) - Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử kỹ thuật ngọn lửa | Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai | SMEWW 3111B:2017 | 0,6 mg/L |
| 22 | Xác định hàm lượng Crom (Cr) tổng - Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử kỹ thuật lò nhiệt điện | | SMEWW 3113B:2017 | 0,15 mg/L |
| 23 | Xác định hàm lượng Cadimi (Cd) - Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử kỹ thuật lò nhiệt điện | | SMEWW 3113B:2017 | 0,03 mg/L |
| 24 | Xác định hàm lượng Chì (Pb) - Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử kỹ thuật lò nhiệt điện | | SMEWW 3113B:2017 | 0,5 mg/L |
| 25 | Xác định hàm lượng Arsen (As) - Phương pháp quang phổ hấp thu nguyên tử kỹ thuật lò nhiệt điện | | SMEWW 3113B:2017 | 0,006 mg/L |
| 26 | Xác định hàm lượng clo dư ($Cl_2$) Phương pháp chuẩn độ | Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai | SMEWW 4500-$Cl_2$ B:2017 | 1,0 mg/L |